



TRUMAN CAPOTE

Một kỷ niệm
GIÁNG SINH

Truyện ngắn

MỘT KỶ NIỆM GIÁNG SINH

Truman Capote
Nguyễn Minh Hoàng dịch

VĂN số 168
15-12-1970

một kỷ niệm giáng sinh

Truman Capote

Bìa: M.P

*Trình bày: **Muôn Phương***

Nguồn: Internet

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

**một kỷ niệm
giáng sinh**

TRUMAN CAPOTE

TRUMAN CAPOTE là một nhà văn thời danh, có sách bán chạy hàng đầu (best-seller) tại Hoa Kỳ trong những năm gần đây. (1970)

Bản Việt văn dưới đây được dịch thẳng từ nguyên tác, nhan đề

“A Christmas Memory”

Một kỷ niệm Giáng Sinh

THỬ TƯỜNG TƯỢNG MỘT BUỔI SÁNG CUỐI THÁNG MUỖI MỘT. Một buổi sáng đầu mùa đông cách đây đã hơn hai mươi năm. Thử hình dung gian bếp của một ngôi nhà tồi tàn, cũ kỹ tại một tỉnh nhỏ. Vật trang hoàng chính yếu là một cái lò sắt lớn màu đen, nhưng ngoài ra còn có một cái bàn tròn lớn, một lò sưởi với hai chiếc ghế dựa xích đu để phía trước. Và buổi sáng hôm ấy lại đúng là buổi sáng mà cái lò sưởi đang bắt đầu phát ra những tiếng rít thường niên.

Một người đàn bà với mái tóc bạc cắt ngắn đang đứng bên khung cửa sổ gian nhà bếp. Bà mang một đôi giày tơ-nit và mặc choàng lên chiếc áo vải mỏng một chiếc áo len đã nhàu. Bà có

vóc người nhỏ nhắn và láu táu như một con gà chọi, nhưng hai vai thì lại thật cồng, do một cơn bệnh dằng dai hồi nhỏ. Khuôn mặt đẹp, hơi giống khuôn mặt Lincoln, cũng có nhiều nếp nhăn, cũng sạm lại vì nắng gió, nhưng thon và thanh nhã. Trong đôi mắt màu hạt dẻ có thoảng một nét rụt rè.

Lúc ấy bà kêu lên, hơi thở làm mờ khung cửa kính:

– Ô, chết chửa! Đã đến mùa làm bánh cake rồi thôi!

Người đang đứng nghe bà nói câu nói ấy là tôi. Tôi được bảy tuổi. Bà đã ngoài sáu mươi. Chúng tôi có họ xa với nhau và cùng sống một nhà... tôi nhớ mang máng thế. Trong nhà còn có những người khác, những người trong

gia tộc, và mặc dầu là những người này, đối với chúng tôi, vẫn thích tỏ ra là họ có quyền, vẫn thích làm chúng tôi khổ tâm phát khóc, nhưng chúng tôi thì lại cứ làm ra như không để ý gì bao nhiêu đến sự có mặt của họ. Chúng tôi là hai người bạn rất thân nhau. Bà gọi tôi là Buddy để nhớ đến một cậu bé vốn là bạn thân của bà hồi nhỏ. Người bạn Buddy ấy đã chết năm 1880, lúc bà hãy còn là một cô bé con. Và mãi cho đến bây giờ bà cũng vẫn còn là cô bé con như ngày trước.

Bà quay lưng lại khung cửa sổ. Một sự quyết định hăng hái làm hai mắt bà sáng ngời lên.

– Sáng nay trước khi ngủ dậy tôi đã cảm thấy thế rồi. Tiếng chuông ngoài sân nghe lạnh quá và trong trẻo quá.

Không còn chim nào cất tiếng hót. Chúng đã bay hết về những miền ám áp cả rồi. Đúng thế.Ồ Buddy! Đừng ngồi đó ngốn bánh nữa, mau đi lấy chiếc xe nôi. Tìm hộ cho tôi nón. Chúng mình còn phải nướng cho xong ba mươi cái bánh.

Bao giờ cũng vẫn thế. Cứ vào một buổi sáng tháng mười một là ba cô tôi kêu lên:

– Đã đến lúc phải làm bánh cake rồi thôi. Đi đẩy chiếc xe nôi, tìm hộ cho tôi nón.

Làm như bà chính thức khai mạc mùa Giáng sinh hàng năm, mùa Giáng sinh đã khơi dậy óc tưởng tượng và thêm lửa cho trái tim đang héo hắt của bà.

Chúng tôi tìm chiếc nón rơm, trên vành nón có gắn một vòng hoa hồng cắt bằng nhung đã phai màu vì nắng gió. Đó là chiếc nón cũ của một bà thích ăn vận sang trọng họ. Và chúng tôi xúm lại đẩy chiếc xe nôi cũ ra khỏi vườn, trực chỉ về phía một rừng cây péc-can. Chiếc xe vốn của tôi, nghĩa là đã được mua hồi tôi mới sinh ra. Xe đan bằng mây, nhưng nay thì mây cũng đã đứt và bốn bánh xe lăn xiêu vẹo như chân người say rượu. Tuy nhiên lại là một món đồ vật trung thành. Mùa xuân chúng tôi đẩy nó vào rừng, hái đủ loại hoa lá chất lên để đem về trồng trong mấy chiếc chậu ngoài cửa ngõ. Mùa hạ chúng tôi nhét lên đó những vật dụng đi pic-nic, những chiếc cần câu và đẩy ra tận bờ suối. Chiếc xe lại còn rất có ích trong dịp mùa đông về, chúng tôi

dùng nó để tải củi từ ngoài sân vào nhà bếp và để làm thành một chiếc giường rất ấm cho con Quennie, con chó nhỏ lông cứng màu cam và trắng của chúng tôi, rất hay chuột, vừa ốm một trận nên thân và vừa thoát chết sau hai lần bị răn mai hoa cắn. Hiện giờ thì con Quennie đang chạy tung tăng bên cạnh.

Ba tiếng đồng hồ sau chúng tôi kéo về đến nhà bếp một xe đầy ăm ắp những trái pécan rụng. Chúng tôi nhặt đến mỏi cả lưng, vì công việc không dễ dàng gì (các chủ vườn, dĩ nhiên không phải là chúng tôi, đã cho hái hết các trái chín và đem bán). Chúng tôi chỉ nhặt được những trái còn sót lại, nằm ẩn dưới lớp lá, trong các đám cỏ bất trắc và lạnh buốt. Rắc rắc, rắc. Những tiếng rắc vui tai, những tiếng sấm thu nhỏ, khi lớp vỏ cứng vỡ ra và đồng hạt

màu ngà vàng ửng, béo một cách dịu dàng, hiện ra cao dần trong chiếc chén thủy tinh thường dùng đựng sữa. Con Quennie đòi nếm thử, thỉnh thoảng bà cô tôi bẻ cho nó một miếng nhỏ và cho thấy là chúng tôi đã phải nhịn để chiều ý nó:

– Không nên thế, Buddy ạ! Nếu chiều thì không biết phải chiều đến đâu mới hết. Ngăn này có lẽ chỉ vừa đủ. Mà nào có ít ỏi gì, đến những ba mươi chiếc bánh!

Gian bếp tối dần. Trời hoàng hôn biến cửa sổ thành một tấm gương, bóng chúng tôi lẫn vào bóng con trăng đang lên trong khi chúng tôi loay hoay làm việc bên ánh lửa trước lò sưởi. Và đến lúc trăng đã lên thật cao chúng tôi ném mấy chiếc vỏ pécan cuối cùng vào

trong đồng lửa, nhìn chúng bốc cháy và cùng thổi đánh phào. Trong xe không còn sót lại một tí gì và chiếc vai pécán đã đầy ắp.

Lúc ấy chúng tôi ăn bữa tối: bánh bít-quy nguội, thịt mỡ, mứt dâu và bàn đến những công việc ngày mai. Ngày mai công việc mà tôi thích nhứt sẽ bắt đầu: công việc đi mua sắm. Chanh và mận, gừng và va-ni, dứa Hawai đóng hộp, nho, các thứ vỏ, hạt noa và rượu huyết-ki.Ồ, và còn bao nhiêu là bột, là bơ, là trứng, bao nhiêu là các món gia vị linh tinh. Không nói ra ai cũng biết là phải cần đến cả một con ngựa nhỏ mới kéo nổi chiếc xe nôl về nhà.

Nhưng trước khi mua bán còn có vấn đề tiền. Cả bà, cả tôi đều không có, ngoài mấy món trợ cấp khốn khổ

mà thỉnh thoảng những người trong nhà đã bố thí cho – một đồng “cent” được xem là một gia tài nhỏ – và ngoài những số tiền do chính chúng tôi kiếm được nhờ những hoạt động vật vãn như: bán mấy món đồ cũ, mấy thùng dâu hái được, mấy lọ mứt, mớ táo nấu đông, mấy bó hoa nhân dịp các đám tang, đám cưới... Có lần chúng tôi đã chiếm được giải thứ bảy mươi chín gồm năm đô-la trong cuộc thi bóng tròn toàn quốc. Cả hai chúng tôi đều không biết bóng tròn là cái quái gì. Chẳng qua là vì chúng tôi đã tham dự tất cả các cuộc thi đã được nghe nói đến. Hiện thời thì chúng tôi đặt hết hy vọng vào Giải thưởng Năm Vạn Đô-la tặng cho kẻ nào nghĩ ra một khẩu hiệu hay nhứt để lăng-xê một hiệu cà phê mới. Và nói Sự thật thì công việc làm ăn

thực sự để ra tiền duy nhất của chúng tôi là Phòng Trưng bày các Cuộc vui và Vật lạ do chúng tôi thiết lập trong một gian nhà kho ở cuối sân, phía sau nhà cách đây hai năm về trước. Các Cuộc Vui gồm những bức ảnh của hai thành phố Washington và New York nhìn qua một đôi ống dòm phóng đại của một bà trong họ đã đến viếng Phòng Trưng bày cho mượn (bà rất lấy làm bất bình khi biết được duyên cớ của sự mượn này). Vật Lạ là một con gà con ba chân do một trong các con gà mái của chúng tôi ấp được. Mọi người trong vùng đều muốn xem con vật lạ. Người lớn chúng tôi đòi hai mươi làm cents, trẻ con năm cents. Và chúng tôi thu được hai mươi đô-la nhưng sau đó thì Phòng Trưng bày Phải đóng cửa vì lẽ con vật lạ không sống được lâu.

Nhưng bằng cách này hay cách khác chúng tôi dành dụm các món tiền Giáng sinh để tổ chức “Quỹ làm bánh cake”. Các món tiền ấy chúng tôi giấu trong một chiếc ví cũ kết bằng hạt trai, dưới lán gỗ lát sàn nhà, dưới cái chậu nước tiểu đêm, dưới chiếc giường cũ của bà cô họ. Nằm ở một chỗ rất an toàn ấy chiếc ví ít khi được lấy ra, ngoại trừ để bỏ thêm tiền vào, hoặc mỗi thứ bảy, để rút ra một số tiền nhỏ. Vì ngày thứ bảy tôi được phép lấy mười cents để đi xi-nê. Bà cô tôi chưa bao giờ đi xi-nê và cũng không bao giờ có ý định đi xi-nê.

– Nghe Buddy thuật lại, thích hơn. Vì như thế tôi hiểu rõ. Vả lại những người ở cái tuổi như tôi tưởng cũng không nên phí phạm đôi mắt quá. Ngày

nào được về với Chúa tôi muốn nhìn thấy mặt Chúa rõ ràng.

Thêm vào việc không bao giờ đi xi-nê, bà bạn tôi lại còn không bao giờ ăn trong các hiệu ăn, không bao giờ đi xa nhà quá mười cây số, không bao giờ nhận được hoặc gửi đi một bức điện tín nào, không bao giờ đọc sách gì khác hơn mấy tờ báo hài hước và Kinh Thánh, không bao giờ dùng son phấn, không bao giờ chải mắng hoặc nguyên rửa ai, không bao giờ nói dối một cách cố ý, không bao giờ để dối một con chó vô chủ đến xin ăn... Trái lại bà đã can những tội rất hiếm hoi sau đây: dùng xẻng giết chết một con rắn mai hoa to nhất trong vùng (con rắn có đến mười sáu cái khoan trên cổ), hút thuốc lá bột (những lúc không có ai), tập loại chim ruồi (thử tập mà xem!) để chúng đánh

đu trên ngón tay, kể những chuyện ma (cả hai chúng tôi đều tin là có ma) ghé rợn đến nỗi tuy là đêm tháng bảy mà chúng tôi vẫn cứ rằng mình, nói làm nhảm một mình, đi thơ thẩn dưới cơn mưa, trồng những cây japonicas đẹp nhất tỉnh, biết tất cả những toa thuốc bí truyền của dân Da Đỏ ngày xưa, kể cả một bài thuốc ma quái để làm rụng những mụn cóc sần sùi nữa.

Và bây giờ, ăn bữa tối xong, chúng tôi rút vào phòng, trong một chỗ kín đáo nhất nhà, nơi mà bà cô tôi ngủ trên một chiếc giường sắt sơn màu hồng, màu bà thích nhất, dưới một tấm chăn kết lại bằng những màu vải vụn. Vừa im lặng, vừa cảm thấy hơi hộp thích thú như những người đang làm quốc sự, chúng tôi lôi chiếc ví hạt trai ra và giải số tiền lên trên tấm chăn bách nạp.

Những tờ một đô-la cuộn thật chặt, xanh biếc như những nụ là tháng năm. Những đồng năm mươi cents đen xỉn, và nặng đến nỗi tưởng chừng có thể dùng để dần lên mắt của người chết. Những đồng một xu xinh xắn, sống động, ngân rất thanh, và những đồng một hào, hai hào nhẵn thín một cách đáng yêu như những hòn đá cuội trong lòng suối. Nhưng nhất là một đồng những đồng penny với mùi vị đắng cay. Mùa hạ năm ngoái, những người trong nhà đã hứa trả cho chúng tôi một penny mỗi lần chúng tôi giết được hai mươi làm con ruồi. Ô! Cái vụ tàn sát ruồi hồi tháng tám! Những con ruồi mà chúng tôi tin là đã lên thẳng Thiên đàng! Tuy nhiên đó không phải là một công việc khiến chúng tôi hãnh diện. Trong lúc chúng tôi ngồi chồm chồm đếm từng

đồng chúng tôi có cảm tưởng đi lùi trở lại đằng sau, làm một cuộc kiểm tính những xác ruồi đã chết. Cả hai chúng tôi đều không ai có tài sử dụng các con số. Chúng tôi cộng thật chậm, sau đó quên lấp mắt và phải bắt đầu trở lại. Theo các bài tính của bà cô tôi thì gia tài chúng tôi lên đến mười hai đô-la bảy mươi ba. Theo các bài tính của tôi thì là mười ba đô-la chẵn.

– Có lẽ Buddy đã cộng sai rồi. Không thể nào là con số 13 cho được. Vì nếu như thế bánh sẽ bị hư hoặc sẽ khiến cho người nào đó khi ăn vào sẽ ngã lăn ra chết. Riêng tôi thì những ngày 13 dù cho ai có cho gì nhất định tôi cũng không thức dậy!

Mà quả thật thế. Những ngày 13 bà thường nằm trên giường cho đến tối.

Do đó để tránh cái xui chúng tôi lấy ra một đồng penny và ném qua cửa sổ.

* * *

Trong số những vật liệu cần thiết để làm bánh cake thì rượu huyết-ky là món đắt tiền nhất và rất khó mua. Luật lệ trong tiểu bang cấm bán. Nhưng ai cũng biết là có thể đến mua một chai đằng tiệm lão Haha Jones. Ngày hôm sau, sau khi đã mua sắm những thứ tầm thường để sắm chúng tôi đưa nhau đến quán của lão Haha, một nơi mà có rất nhiều người đã cho là nơi bất hảo, vừa là quán rượu, vừa là quán ăn, vừa là quán nhảy ở cạnh bờ sông. Trước đây chúng tôi đã có đến nhiều lần, cũng để mua rượu huyết-ky về làm bánh, nhưng

những cuộc giao tiếp chỉ diễn ra với ba vợ của lão Haha, một người đàn bà Da Đỏ có nước da nâu sậm, mớ tóc ngả màu vàng và bộ điệu vô cùng ưỡn ẹo. Chưa bao giờ chúng tôi trông thấy ông chồng, mặc dù chúng tôi biết rõ lão ta cũng là người Da Đỏ. Một người rất to lớn với hai bên má đầy những sẹo. Gọi lão là lão Haha vì lão có một vẻ âm u dễ sợ, không bao giờ trông thấy lão cười. Lúc gần đến quán không ai bảo ai, chúng tôi cùng bước chậm lại (quán là một gian nhà rộng cất bằng những thân gỗ để nguyên, bên trong và bên ngoài có mắc những chùm đèn màu sắc sỡ, và nằm cạnh bờ sông, dưới bóng những cây to có những cành phủ đầy rêu như một vầng sương mù xám). Cả con Quennie cũng ngừng chạy tung tăng và đến nép bên cạnh chúng tôi. Có rất nhiều người

đã bị giết chết trong quán của lão Haha! Bị chặt ra từng khúc! Bị đập chết! Có một vụ đang sắp sửa ra tòa trong tháng tới! Và dĩ nhiên là những chuyện ấy đã xảy ra ban đêm, lúc các bóng đèn màu tỏa một vầng ánh sáng lạ và chiếc dàn dây cót buông ra những âm thanh rên rỉ. Ban ngày quán của lão Haha trông thật tồi tàn hoang vắng. Tôi đập cửa, con Quennie sửa văng, bà cô tôi gọi:

– Bà Haha, bà Haha ơi! Có ai trong nhà không?

Có tiếng chân bước. Cảnh cửa mở. Tim chúng tôi như ngừng đập. Người đang đi ra chính là lão Haha. Thật là một lão không lồ. Mặt đầy sẹo và miệng không cười. Không. Lão đưa cặp mắt xếch nhìn chúng tôi chăm chú và hỏi:

– Các người muốn hỏi gì Haha?

Lúc ấy chúng tôi sợ quá nên không thể trả lời ngay được, mãi sau bà cô tôi mới mở được miệng, nhưng giọng nói của bà chỉ là một giọng nói thì thầm:

– Thưa ông Haha, chúng tôi định xin ông bán cho tôi một chai huyết-ky ngon.

Cặp mắt của lão Haha đã xếch lại càng thêm xếch. Và, không biết chi tiết này bạn có tin không, chớ thật ra thì lúc ấy lão đã mỉm cười. Rồi lão cười thật sự.

– Mua huyết-ky để cho ai?

– Thưa ông, chúng tôi mua để làm bánh cake. Bánh cake Giáng sinh!

Mặt lão bỗng tối sầm lại. Lão cau mày:

– Như thế thật phí rượu huyết-ky ngon!

Tuy nhiên lão cũng quay ngoắt vào trong và mấy giây sau trở ra, mang theo một chai rượu không nhãn hiệu, màu vàng như màu hoa cúc. Lão đưa cái chai soi lên ánh mặt trời và nói:

– Hai đô-la.

Chúng tôi trả bằng những đồng xu, bằng những đồng penny bằng những đồng hào. Lão xốc những đồng tiền trong lòng bàn tay như xốc mấy con xúc xắc và đột nhiên nét mặt lão dịu xuống. Lão trút mớ tiền trở lại vào trong chiếc ví hạt trai và nói:

– Mà này, hay là khi nào làm bánh xong bà cứ gửi cho tôi một chiếc.

Trên đường về bà cô tôi bảo tôi:

– Có thể chứ! Người như thế mới là người tốt. Chúng mình sẽ đặc biệt thêm vào chiếc bánh của ông ta một cốc nho khô.

Chiếc lò đen xì đầy ấp than và củi khô cháy sáng lên như một chiếc đèn cắt bằng vỏ bi. Các cây đánh trứng hoạt động không ngừng, những chiếc muồng xoay trong những chiếc bát đựng bơ và đường, mùi va-ni làm không khí hóa ra êm dịu, gừng và gia vị. Những mùi thơm quện vào nhau, mơn trớn mũi, tỏa khắp gian bếp, khắp nhà, chui qua ống khói lò sưởi để tràn ra ngoài từng đợt. Trong vòng bốn ngày mọi việc đều

xong. Ba mươi một chiếc bánh cake ướt đầm huyết-ky nằm yên trên ngăn tủ.

Những chiếc bánh ấy để cho ai?

Cho các bạn bè. Và không nhất thiết phải là các bạn bè bên hàng xóm. Nói thật ra thì một số lớn các bánh cake sẽ dùng để tặng những người mà có lẽ chúng tôi chỉ được gặp có một lần và cả những người mà chúng tôi không hề gặp. Những người đã làm chúng tôi thán phục. Chẳng hạn ông Tổng thống Roosevelt, mục sư Lucey và vợ, các cha dòng Báp-tít từ đảo Bornéo đến giảng đạo vào dạo mùa đông rồi. Hoặc chú bé mài dao mỗi năm đi qua đây hai bận. Hoặc Abner Packer, bác tài xế hàng ngày lái chuyển xe ca sáu giờ từ Mobile đến và vẫn chào hỏi chúng tôi mỗi khi bác vụt qua trong văng bụi tung mù

mật. Hoặc đôi vợ chồng trẻ Wistons ở California mà một buổi xế nọ nhân bị pan xe trước nhà đã trò chuyện vui vẻ với chúng tôi ngót một giờ ngoài cửa ngõ. (Ông Wistons đã chụp ảnh chúng tôi, chiếc ảnh độc nhất của chúng tôi từ trước đến giờ). Có phải chăng vì bà cô tôi đã rụt rè trước tất cả mọi người ngoại trừ trước những người lạ mặt, thành thử chúng tôi có cảm tưởng là những người lạ mặt ấy và cả những người mà chúng tôi chỉ mới quen biết qua loa, đều là những bạn thân thật sự? Mà tôi tin là thế. Và những quyển an-bom do chúng tôi cất giữ, những lời cảm tạ viết trên giấy mang dấu hiệu Tòa Bạch cung, những bức thư ở California và Bornéo gửi đến, những tấm bưu ảnh rẻ tiền của chú bé mài dao, tất cả đều đã cho chúng tôi cái cảm giác

được nối liền với những thế giới chứa đầy những chuyện ly kỳ, sôi động, vượt lên trên gian nhà bếp nhỏ nhìn ra một mảnh trời không thay đổi, im lìm.

Bây giờ một cảnh vả mùa đông trụi lá đang phát phơ bên cửa sổ. Gian nhà bếp hóa ra trống trải, bánh cake đã gói đi rồi, hôm qua chúng tôi ra nhà bưu điện gói chiếc bánh cuối cùng, tiền tem đã làm chúng tôi sạch túi. Tôi hơi thất vọng nhưng bà cô tôi thì lại cứ khẳng khái đòi mở tiệc mừng — với hai lóng tay huyết-ky còn sót lại trong chai của lão Haha Da đỏ. Con Quennie được một muống đồ trong cái bát cà phê (nó vẫn thích uống cà phê pha thật đậm). Phần còn lại chúng tôi rót đều ra hai cái cốc đựng mút trái cây. Cả hai chúng tôi đều rất hồi hộp khi nghĩ là mình sắp sửa uống rượu huyết-ky nguyên chất.

Mùi rượu làm chúng tôi như bị căng thẳng và rùng mình khó chịu. Nhưng sau đó chúng tôi hát, hát cùng một lượt, nhưng mỗi người lại hát một bài hát khác nhau. Tôi không thuộc trọn bài hát của tôi, mà chỉ thuộc mỗi một câu: « Em ơi em, Đi ra mà xem, Xem người ta nhảy, Ngoài thành phố đen! » Nhưng để bù lại tôi biết khiêu vũ. Đó là cái mộng của tôi sau này. Tôi muốn trở thành một vũ công clắc-kết đóng trong phim xi-nê. Cái bóng run rẩy của tôi nhảy múa trên tường, giọng chúng tôi làm rung bát đĩa, chúng tôi cười rú lên như bị một bàn tay vô hình cù vào nách. Con Quennie nằm lăn ngửa bụng ra, bốn chân cào trong không khí, hai bên mép nhếch lên như đang cười. Trong thâm tâm tôi tôi cảm thấy có một cái gì đang bốc cháy bùng bùng và làm tung

ra vô số là tàn lửa đỏ như những thanh củi đang nổ lách tách trong lò sưởi. Bà cô tôi nhảy một điệu “van” quanh chiếc lò, vạt của chiếc juyp bằng vải cũ kẹp nhón trong hai ngón tay làm như đó là một chiếc áo dài dạ hội. Bà hát: « Hãy chỉ cho tôi đường về ». Đôi giày tơ-nít của bà rít trên sàn gạch. “Hãy chỉ cho tôi đường về...”.

Lúc ấy “hai người trong họ” chạy xịch đến. Bộ điệu giật dữ. Những cặp mắt khinh bỉ và những giọng nói chan chát như quất vào da. Những câu hằn học ào ào trút xuống thành một bản nhạc căm hờn:

– Một thằng ranh bảy tuổi mà đã nặc nồng mùi rượu! Sao lại thế hử? Bà có điên không? Đó là con đường đưa đến sự hư thân trác nết. Cái gương mợ

Kate còn sờ sờ ra đó! Và chú Charlie nữa! Cả ông anh rể của chú Charlie! Không biết thẹn à? Quá lắm! Quá lắm! Quì xuống đi! Cầu nguyện Chúa đi thôi!

Con Quennie chuẩn một mạch trốn dưới chiếc lò. Bà cô tôi nhìn xuống hai mũi giày. Cầm bà run run, bà nâng vạt juýp lau mũi rồi bỏ chạy vào phòng. Mãi thật lâu về sau, lúc cả tỉnh đã ngủ say rồi, lúc trong nhà mọi vật đều im lặng trừ tiếng tíc tắc của mấy chiếc đồng hồ, tiếng khật khừ của đồng lửa đang dần dần lụi xuống, mà bà cô tôi hãy còn khóc, mặt úp trên chiếc gối ướt đầm như tấm khăn tay của người góa phụ khóc chồng.

Tôi đến ngồi dưới chân giường và cố dỗ:

– Bà đừng khóc nữa.

Tôi cảm thấy lạnh mặc dù đã choàng chiếc áo ngủ bằng dạ còn thoang thoảng mùi thuốc xi-rô ho mùa lạnh năm rồi. Và vừa nghịch mấy ngón chân bà, cù vào lòng bàn chân bà, tôi vừa nói:

– Bà đừng khóc nữa... Không được khóc nữa... Bà đã lớn rồi!

Bà tấm tức:

– Vì tôi già rồi. Đã già lại còn ngốc nghếch!

– Không phải ngốc nghếch. Bà chỉ thích đùa thôi. Mà đùa còn hay hơn bao nhiêu người khác. Mà này, nếu bà không nín khóc, ngày mai bà sẽ mệt nhoài ra, không còn sức đâu để đi tìm cây sa-pin nữa.

Bà ngồi choàng dậy. Con Quennie nhảy chồm lên giường (những lúc thường nó không được phép nhảy như thế) và thè lưỡi liếm hai bên má của bà.

– Đúng thế Buddy ạ. Và tôi lại còn biết chỗ tìm những cây sa-pin thật đẹp. Cả những cây gai đẹp nữa. Với những trái đỏ mọng to bằng hai mắt của Buddy kia. Chỗ ấy xa lắm, ở mãi tít trong rừng. Mình chưa bao giờ đi đến. Ngày xưa cha tôi vẫn có lệ cứ Giáng sinh đến là vào rừng dẫn cây sa-pin rồi vác trên vai mang về cho chúng tôi. Chuyện năm mươi năm về trước. Ô Buddy ạ, tôi sốt ruột quá, có lẽ không chờ được đến sáng mai đâu.

Và buổi sáng đến. Sương đọng thành giá lấp lánh trên đầu ngọn cỏ; mặt trời tròn như quả cam và vàng ửng

như mặt trăng Vào những đêm nóng bức hiện ra nhấp nhô ở cuối chân trời và tô màu nâu lên những thân cây mùa đông trắng bạc. Có tiếng gà rừng cất lên vắng vắng. Một con lợn đi lạch kêu hồng hộc trong bụi rậm. Một lát sau chúng tôi đành bỏ chiếc xe nô lại trên bờ một dòng suối nước chảy nhanh như cắt và dâng cao đến trên đầu gối. Con Quennie bơi qua suối trước tiên, vừa bơi vừa sữa vang vì dòng nước chảy nhanh quá và lạnh quá. Chúng tôi đi theo, giơ cao khỏi đầu hai đôi giày và mấy dụng cụ dẫn cây (gồm một chiếc rìu nhỏ và mấy cái bao tải). Còn phải đi một quãng độ một ngàn năm trăm thước nữa giữa những cành gai và những vỏ cây có lông tua tủa bám đầy vào quần áo, giữa những hoa thông mục có lác đác những cụm nấm sặc

sở và những lông chim ướt đầm. Đây đó, một tiếng động chuyển cảnh, một hơi thở phập phồng, những tiếng hót riu rít nhắc cho chúng tôi nhớ là không phải tất cả các loài chim đều đã bay hết về phương Nam. Con đường mòn ngoằn ngoèo trải dài, xuyên qua những vũng nắng màu vàng sáng và những vòm cây nho rừng đã chết khô. Còn phải lội qua một con suối nữa. Một đàn cá đốm hoảng sợ tung nước thành bọt quanh chân chúng tôi. Những con ếch to bằng chiếc đĩa phồng mang kêu ồm ồm. Những con hải ly kéo củi khô làm một con đê chắn nước. Bên kia bờ suối con Quennie đang run lập cập vẩy lông. Bà cô tôi cũng run lập cập, nhưng không phải vì lạnh mà là vì thích quá. Lúc bà ngẩng đầu lên để hít lấy làn không khí thơm nức mùi nhựa thông thì trên

chiếc nón rơm một cánh hoa hồng cắt bằng nhung rơi xuống.

– Chúng ta gần đến nơi rồi. Buddy có nhận thấy thế không?

Bà nói với tôi, làm như bà và tôi sắp sửa ra đến ngoài biển cả.

Mà thật thế, đây là một loại biển cả. Cánh rừng bát ngát với những hương thơm, những cây trổ hoa, những cành houx với lá chìa gai tua tủa. Những trái chín đỏ, sáng ngời như những chiếc lục lạc đồng. Đàn quạ đen bay sà xuống và kêu quang quác. Chúng tôi hái lá houx và các trái đỏ cho đầy vào bao, hái thật nhiều, đủ để trang hoàng khoảng một tá khung cửa sổ. Sau đó chúng tôi quyết định chọn một cây sa-pin.

– Phải chọn một cây cao bằng hai lần chiều cao của đứa trẻ. Như thế mới không sợ bị trẻ con đánh cắp mất chiếc ngôi sao.

Cây sa-pin do chúng tôi chọn cao hơn tôi gấp hai lần. Rất đẹp, rất hung hăng phải bổ đến ba mươi nhát rìu nó mới chịu ngã xuống với một tiếng rắc đau xé như tiếng thở dài hấp hối. Chúng tôi kéo lê nó như một cái xác chết và sửa soạn quay về. Cứ cách vài thước là chúng tôi lại phải ngừng lại, ngồi bệt xuống và thở phì phì. Nhưng cảm thấy tràn trề sức mạnh không khác những tay thợ săn khi săn được một con thú lớn. Sức mạnh ấy và mùi hương cứng cáp và lạnh giá của cây sa-pin đã thúc giục chúng tôi, khuyến khích chúng tôi gắng sức. Suốt buổi chiều, trên con đường đất đỏ đưa về thành phố, những

ai trông thấy chúng tôi đều cất tiếng khen, ngắm nghía mãi cây sa-pin nằm vắt trên chiếc xe nôi. Nhưng bà cô tôi thì lại tỏ ra cẩn thận và dè dặt.

– Cây sa-pin đẹp nhỉ! Bà tìm được ở đâu thế?

Bà chỉ đáp nhỏ, mơ hồ:

– Ồ, tìm được ở đằng kia.

Có một lần, một chiếc ô tô ngừng lại và bà vợ của ông chủ nhà máy sợi thò đầu ra, nói the the như người khịt mũi:

– Có bán không? Tôi trả cho hai hào.

Lệ thường bà cô tôi không bao giờ dám từ chối điều gì với ai cả nhưng lần này thì bà lắc đầu ngay:

– Có trả đến một đô la tôi cũng không bán!

Bà chủ nhà máy sợi năn nì:

– Một đô la? Nói thật không? Thôi năm mươi cents, giá chót đấy. Bà bán đi, rồi tìm một cây khác!

Thay vì trả lời thẳng bà cở tôi chỉ nói thật khế:

– Không tin được. Ở đời một vật đẹp như thế không bao giờ có đến hai lần!

Về đến nhà, con Quennie nằm vật bên cạnh đồng lửa, ngủ một giấc đến sáng hôm sau và ngáy như người thật.

* * *

Trong chiếc rương để trên gác có một cái hộp giấy đựng giày bên trong đựng toàn những chùm lông trắng (rút ở chiếc áo choàng của một bà hơi kỳ lạ trước kia đã thuê một phòng trong nhà để ở), những cuộn giấy hoa màu bạc đã ngả vàng vì năm tháng, một ngôi sao bạc, một chùm đèn điện đủ màu đã hư và có lẽ rất nguy hiểm khi dùng đến. Những món nếu đem dùng trang hoàng thì thật đẹp nhưng tính lại thì cũng vẫn không xong. Bà cô tôi muốn cây sa pin của chúng tôi phải sáng rực lên như một ô kính màu trong nhà thờ Báp-tít, các cành phải trĩu xuống vì mớ tuyết rắc bên trên. Nhưng chúng tôi thì lại không đủ sức để sắm những thứ sang trọng “made in Japan” ấy. Thành thử chúng tôi đành làm những việc mà mọi năm chúng tôi vẫn làm. Chúng

tôi cặm cùi suốt ngày trước chiếc bàn trong gian nhà bếp, cắt, vẽ, xếp những đồng giấy màu. Tôi vẽ hình trên giấy đề bà cô tôi cắt. Vô số mèo, vô số cá (vì dễ vẽ), vài quả táo, vài quả dưa, vài thiên thần có cánh cắt trên những tờ giấy trang kim mà chúng tôi đã cẩn thận cất riêng trong một góc. Chúng tôi đính những tác phẩm ấy lên cây sa-pin bằng những chiếc đinh ghim. Và để hoàn tất công trình chúng tôi rắc trên các cành mới bông mà chúng tôi đã nhặt để dành từ tháng tám. Bà cô tôi ngắm nghía kết quả, hai bàn tay chấp vào nhau:

– Thật tình mà nói, Buddy ạ, nó đẹp đến nỗi trông thấy mình những muốn ăn.

Riêng con Queanie thì cu cậu đang tìm cách ngoạm một chú thiên thần.

Buộc xong những lá gai trên các cửa sổ trước nhà công việc sau đó của chúng tôi là công việc sửa soạn các món quà biếu xén. Những chiếc khăn quàng nhiều màu cho các bà. Cho các ông là những chai xi-rô nấu theo toa thuốc gia truyền với chanh, cam thảo và thuốc cảm dành riêng để uống ngay sau khi nhận thấy những “Triệu Chứng Bị Lạnh” hoặc khi vừa đi sẵn về. Nhưng đến lúc phải sửa soạn những món để tặng riêng cho nhau thì bà cô tôi và tôi liền mỗi người đi lên ra một nơi để chuẩn bị trong vòng bí mật. Tôi vẫn ao ước mua biếu là một con dao cán bằng sừng, một chiếc máy ra-dô, một kí lô mận rim đường bọc sô-cô-la một lần chúng tôi đã được ném thử và kể từ đó bà không ngớt bảo tôi:

– Tôi chỉ thích ăn có mỗi thứ ấy, Buddy ạ. Chỉ thích ăn có mỗi thứ ấy, Chúa ơi!

Thay vào những thứ đã kể, tôi chỉ dán một con diều. Phần bà, bà vẫn mong tặng tôi một chiếc xe đạp (bà đã nói thế cho tôi biết có đến hàng triệu lần):

– Giá mà tôi có thể làm được như ý muốn Buddy ạ! Trong đời, phải chịu thiếu thốn những món mà mình ao ước có đã là một chuyện đáng buồn. Đến cái việc không thể tặng cho những người khác những món mà mình ao ước tặng lại là một chuyện đáng buồn hơn nữa. Nhưng Buddy ạ, thế nào rồi cũng sẽ có ngày tôi làm được như ý muốn, là tìm cho Buddy một chiếc xe đạp. Đừng hỏi

là tôi sẽ tìm bằng cách nào. Có thể là tôi sẽ đi đánh cắp cũng nên!

Thay vào đó, tôi gần như có thể chắc chắn là bà lại cũng sẽ dán một con diều, cũng như năm rồi, cũng như năm trước nữa. Năm trước cái năm trước nữa bà và tôi đã làm súng cao su để tặng nhau. Nhưng đối với tôi thì tất cả những cái ấy đều là những cái gì toàn hảo. Vì chúng tôi vốn là những tay vô địch chơi diều, biết ngóng hướng gió thành thạo như những người đi biển. Bà cô tôi, hơn tôi một bậc, còn có thể thả diều vào những lúc trời không có lấy một tí gió để đẩy các cụm mây đi.

Hôm áp lễ Giáng sinh, vào buổi chiều, chúng tôi chung nhau vợ được hai hảo, đến hàng thịt mua cho con Quennie món quà thường lệ, một khúc

xương bò thật ngon để gặm. Khúc xương, bọc trong giấy sặc sỡ được treo tít trên cao, gần chiếc ngói sao bạc. Con Quennie biết có khúc xương ở đó nên cứ ngồi chồm chồm dưới gốc cây, mồm nghếch lên, tỏ vẻ lảng xảng thèm muốn. Đến đêm, không tài nào đuổi được nó đi nơi khác.

Nó nhất định không đứng lên. Tôi cũng sốt ruột không kém, ngo nguậy trong chăn và xoay mãi chiếc gối làm như đang ở giữa một đêm mùa hè nóng bức. Thỉnh thoảng một con gà cất tiếng gay một cách sai lầm, vì lúc ấy mặt trời hãy còn ở bên nửa phần kia của trái đất.

– Buddy! Ngủ à?

Từ phòng bên bà cô tôi gọi. Một lát sau bà đến ngồi cạnh giường tôi, trong tay cầm một ngọn nến.

– Tôi không sao chớp được mắt. Đầu óc cứ nháy múa lung tung. Này Buddy, không biết đêm nay bà Roosevelt có mang bánh cake của chúng mình ra ăn không nhỉ?

Chúng tôi ngồi thu chân thật gọn trên giường, và bà ấp chặt bàn tay tôi, âu yếm:

– Tôi có cảm tưởng là bàn tay Buddy bé quá. Tôi không thích nghĩ rằng có một ngày nào đó Buddy sẽ lớn lên. Vì khi Buddy lớn lên không biết chúng mình có còn thân nhau không nhỉ?

Tôi đáp: – Còn chứ, còn mãi mãi!

– Nhưng Buddy a, tôi đang rất khổ tâm. Tôi vẫn ao ước được tặng Buddy một chiếc xe đạp! Cây cục mãi đề bán viên ngọc thạch của cha tôi cho ngày trước mà cũng không xong. Và Buddy a... (đến đây bà ngập ngừng, bối rối) tôi đã dán cho Buddy một con điều khác.

Tôi cũng thú thật là chính tôi, tôi cũng đã dán một con điều. Và cả hai chúng tôi cùng cười.

Ngọn nến cháy xuống quá thấp nên không thể cầm trên tay được nữa, rồi nến tắt, để lộ ánh sáng của các ngôi sao. Những ngôi sao xoay vòng trước khung cửa sổ như một đám kéo quân và dần dần buổi mai nhẹ nhẹ trở về làm cho đám kéo quân im tiếng. Có lẽ chúng tôi đã ngủ thiếp đi, nhưng ánh bình minh đã dội xuống chúng tôi như

một tia nước lạnh. Chúng tôi thức dậy, mở to hai mắt, đi lê la khắp đó đây, đợi những người khác trong nhà thức dậy. Bà cô tôi cố ý đánh rơi chiếc ấm nước xuống sàn gạch trong nhà bếp. Tôi nháy một điệu clắc-kết trước những cánh cửa còn đóng kín. Những người trong nhà lần lượt hiện ra, làm như họ muốn giết chết chúng tôi. Nhưng vì là ngày lễ Giáng sinh nên họ không giết được.

Bắt đầu là một bữa điểm tâm sang trọng. Có đủ các món từ bánh crepe và thịt chiên đến rau cải và bánh mật. Mọi người đều vui vẻ, trừ bà cô tôi và tôi. Thật tình thì chúng tôi đang rất sốt ruột, chỉ muốn chạy xô đến xem ngay các quà biếu nên không làm sao nuốt được lấy một miếng.

Và tôi thất vọng. Làm sao mà không thất vọng vì quà biểu chỉ vền vện một đôi tất ngắn, một chiếc áo sơ-mi, mấy cái mu-soá, một chiếc áo đan bị ế và một năm báo trẻ con. Tôi tức sôi lên.

Bà cô tôi may mắn hơn. Một bao hạt Satsuma! Món quà đáng giá nhất. Tuy nhiên cũng thêm được một cái khăn quàng bằng len trắng của một người chị đan cho. Nhưng bà bảo tôi là món quà thích nhất vẫn là con diều do tay tôi dán. Vì con diều đẹp thật. Đẹp thật. Nhưng chưa đẹp bằng con diều của bà dán tặng tôi, con diều màu xanh có những đốm kim nhũ và những ngôi sao màu lục. Hơn nữa bên trên có ghi rõ tên tôi: Buddy.

– Buddy ạ, có gió thổi rồi!

Mà có gió thật. Và không gì ngăn được chúng tôi chạy xuống cánh đồng cỏ ở phía dưới ngôi nhà, nơi con Quennie vừa phóng ra để chôn giấu khúc xương chúng tôi vừa tặng (và cũng chính nơi này, mùa đông năm sau, con Quennie sẽ yên giấc ngàn thu). Ra đến nơi chúng tôi đi sấn vào trong đám cỏ mọc cao đến ngực rồi mở đôi điều ra cho bay trong gió; đôi điều kéo thẳng đoạn dây, quấy đuôi phân phát như những con cá trên trời. Dưới ánh nắng ấm chúng tôi nằm dài trên cỏ, bóc hạt Satsuma và theo dõi đôi điều đang bay lượn. Trong giây lát tôi quên mất đôi tất ngắn và chiếc áo đan bị ế để cảm thấy sung sướng như vừa nhận được giải thưởng Năm Vạn Đô-la trong cuộc thi khẩu hiệu cà phê.

– Buddy ạ, có thể nói là tôi điên thật.

Bà cô tôi kêu lên như thế và đột nhiên có dáng chăm chú như một bà nội trợ vừa chợt nhớ ra là mình đã bỏ quên mấy cái bánh trong lò. Rồi bà hỏi tôi bằng giọng của người vừa khám phá ra được một điều gì lạ, và bà mỉm cười, không phải với tôi, mà là với một điểm nào đó trên không.

– Buddy có biết là tôi vẫn thường nghĩ gì không? Tôi vẫn nghĩ là trước khi về với Chúa con người cần phải trải qua một thời gian ốm đau và chờ chết. Và tôi tưởng tượng là lúc ấy mọi thứ sẽ giống như cái lúc mình nhìn lên một ô kính màu trong nhà thờ Báp-tít, rất đẹp với ánh nắng chan hòa và sáng chói đến nỗi mình sẽ không ngờ là bóng đêm đã

đến. Tôi vẫn cảm thấy được an ủi khi nghĩ rằng chính cái ánh sáng ấy sẽ giúp mình không sợ hãi. Nhưng tôi đoán chắc là việc ấy sẽ không bao giờ xảy ra. Tôi đoán chắc là đến phút cuối cùng con người sẽ hiểu là Chúa đã có đến với mình. Con người sẽ hiểu là được trông thấy vạn vật như thế này (bàn tay bà vẽ một vòng tròn, chỉ cho tôi thấy những cụm mây, đôi diều, đám cỏ và con Quennie đang bới đất để giấu khúc xương... như thế này đây, cái ấy có nghĩa là con người đã trông thấy Chúa. Riêng phần tôi, tôi có thể坦然 nhiên dời bỏ cõi đời này với ngày hôm nay trong đôi mắt.

* * *

Cái Giáng sinh năm ấy là cái Giáng sinh cuối cùng của chúng tôi.

Cuộc đời sắp sửa ngăn cách chúng tôi mỗi người ra một ngã. Những kẻ tự nhận là cái-gì-cũng biết đã quyết định gửi tôi vào một trường quân sự. Do đó trong đời tôi những chuỗi ngày tù hãm cứ nối tiếp nhau trong tiếng kèn đồng, trong tiếng còi báo thức của những trại mùa hè. Tôi có một mái nhà mới. Nhưng mái nhà thật sự của tôi lại là nơi có bà cô họ, và lại là nơi tôi không được phép quay về.

Bà ở lại đó với con Quennie, hàng ngày thờ thần trong gian nhà bếp. Rồi sau đó là chỉ còn lại trơ trọi một mình. (“Buddy thân yêu, bà viết cho tôi bằng một nét chữ xô bồ, khó đọc, hôm qua Quennie đã bị con ngựa của Jim Macy

đá phải. Cũng đáng mừng là Quennie không bị đau đớn gì nhiều. Tôi bọc Quennie trong một tấm ra thật mịn và chở bằng chiếc xe nôi ra tận cánh đồng cỏ của bác Simpson, nơi đây Quennie sẽ gặp lại tất cả những khúc xương mà Quennie đã chôn từ trước.”)

Trong một thời gian bà hãy còn tiếp tục làm bánh cake một mình, không nhiều bằng dạo trước, nhưng cũng gọi là có. Và dĩ nhiên là bà gửi cho tôi chiếc bánh ngon nhất của bà. Cũng như trong mỗi bức thư bà đều nhét kèm theo một đồng hào bọc trong giấy lụa. “Tiền này để Buddy đi xi-nê, và Buddy nhớ thuật cho tôi nghe câu chuyện.” Nhưng lần lần, trong các bức thư bà lại đâm ra lảm lẩn tôi với người bạn Buddy của bà hồi còn trẻ, người bạn Buddy đã chết năm 1880. Và về sau, ngày nào

bà cũng nằm mãi trên giường, không chỉ riêng gì ngày 13 như dạo trước. Rồi có một buổi sáng tháng mười một nọ, một buổi sáng trời chớm mùa đông, một buổi sáng không lá không chim, bà không còn làm sao ngồi dậy nổi để kêu lên như thường lệ:

– Ô! Chúa ơi! Đã đến mùa làm bánh cake rồi thôi!

Và khi sự ấy xảy ra thì tôi đã biết trước. Bức thư báo tin buồn khi đến tay tôi chỉ làm được mỗi cái việc xác nhận điều mà linh tính tôi đã nói cho tôi nghe trước cả rồi, và tôi cảm thấy như có một cái gì đã tách ra vĩnh viễn trong tôi để bay đi biệt như con diều bị đứt dây. Bởi thế cho nên, vào buổi sáng tháng chạp hôm nay, khi đi ngang qua bãi đất hoang trước cửa nhà

trường, tôi đắm đắm nhìn lên khoảng không trung làm như đang chờ đợi bắt gặp một đôi điều giống hình trái tim, bị đứt dây, trôi băng băng trên vòm trời xa tắp.

TRUMAN CAPOTE

NGUYỄN MINH HOÀNG dịch

(Trích Tập san văn chương tư tưởng nghệ thuật VĂN năm thứ 7 số 168 ra ngày 15/12/1970, trang 48-64)

